

Biểu số 3
THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày /01/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2023	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	19.094.445	13.671.581	19.578.937	103%	143%
I	Chi đầu tư phát triển	8.565.693	5.390.480	10.884.593	127%	202%
II	Chi thường xuyên	10.015.088	8.276.720	8.691.579	87%	105%
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.954.889	3.678.979	3.871.642	98%	105%
2	Chi khoa học và công nghệ	28.546	25.721	34.054	119%	132%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.053.724	809.064	941.481	89%	116%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	100.963	75.202	108.230	107%	144%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	52.060	47.995	44.815	86%	93%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	58.387	85.058	73.679	126%	87%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	258.062	172.563	167.346	65%	97%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.388.576	666.609	674.773	49%	101%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.691.408	1.584.892	1.642.234	97%	104%
10	Chi bảo đảm xã hội	1.121.231	833.658	821.851	73%	99%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.700	1.092	1.255	74%	115%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.510	3.290	1.510		
V	Dự phòng ngân sách	330.171				
VI	Chi mục tiêu từ ngân sách Trung ương	63.002				
VII	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	117.281				
B	BỘI THU NSDP	14.400	23.644	25.233	175%	107%
1	Kế hoạch vốn vay	10.300				
2	Trả nợ vay	24.700	23.644	25.233	102%	107%